

Bản án số: 02/2024/LĐ-ST  
Ngày: 10/01/2024  
Về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố  
hợp đồng lao động vô hiệu.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thắm

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Đoàn Nam Lê Thiện – Phó chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố Dĩ An;

2. Bà Hoàng Lệ Chi – Giáo viên hưu trí.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 153/2023/TLST-LĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1989; thường trú: Thôn B, xã Q, huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ liên hệ: 3/31, Tổ 1, khu phố B, phường Th, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Công ty TNHH L; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị Thúy L, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 48, đường H, Phường 9, quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 6, xã Ngh, thị xã Th, tỉnh Nghệ An. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Chị Đặng Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 12, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: 287/1, khu phố Th, phường A, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D; địa chỉ: Đường T, trung tâm hành chính thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn Tr; chuyên viên; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2023). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nhưng theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2023, lời khai trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Từ tháng 4/2009 đến thời điểm này, chị Ng làm việc tại Công ty TNHH H, địa chỉ: Khu chế xuất B, phường B, thành phố Th, tỉnh Bình Dương và có tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ. Nay do kinh tế gia đình khó khăn chị Huyền đến bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An để làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội một lần thì được biết hồ sơ bảo hiểm của chị bị trùng lặp. Do không hiểu biết pháp luật nên vào tháng 9/2007 đến tháng 9/2009 chị Ng có cho em ruột tên Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 6, xã Ngh, thị xã Th, tỉnh Nghệ An và tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 có cho em họ tên Đặng Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 12, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An mượn chứng minh nhân dân của chị Ng số 186575065, do Công an tỉnh Nghệ An cấp năm 2003 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L. Lý do chị Ng cho chị Tr, chị H mượn chứng minh nhân dân là vì thời điểm đó chị Tr và chị H chưa đủ 18 tuổi. Mặt khác hoàn cảnh gia đình khó khăn, cần có việc làm để tăng thu nhập phụ giúp gia đình. Chị Nguyễn Thị Tr và chị Đặng Thị H đã sử dụng thông tin cá nhân của chị Ng để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L trong khoảng thời gian trên, sau đó nghỉ việc tại Công ty.

Sau khi biết số chứng minh nhân dân của chị Ng có thời gian đóng bảo hiểm bị trùng lặp tại Công ty TNHH H, thời gian trùng lặp từ tháng 9/2007 đến tháng 9/2009 (đối với chị Tr), từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 (đối với chị H), chị Ng đã nhiều lần liên hệ với Bảo hiểm xã hội Dĩ An để được giải quyết. Tuy nhiên, Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An đã hướng dẫn chị Ng khởi kiện ra Tòa án.

Việc cho người khác sử dụng chứng minh của chị Ng để tham gia bảo hiểm dẫn đến trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Ng. Vì vậy, chị Ng yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị

(do chị Nguyễn Thị Tr mượn tên) với Công ty TNHH L, thời gian làm việc từ tháng 9/2007 đến tháng 9/2009 và hợp đồng lao động giữa chị (do chị Đặng Thị H mượn tên) với Công ty TNHH L, thời gian làm việc từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 là vô hiệu do người ký kết hợp đồng không phải là chị Ng. Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc cho người khác sử dụng chứng minh nhân dân của mình để làm việc tại Công ty TNHH L dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là do lỗi của chị Ng. Do đó chị Ng tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

*- Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trương Thị Thúy L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nhưng tại bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng bà L trình bày:*

Việc chị H và chị Tr mượn hồ sơ của chị Ng để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Hồ sơ lao động của chị Ng hiện Công ty không còn lưu giữ nên không thể cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do không còn lưu giữ nên Công ty TNHH L không biết chị Ng giao kết hợp đồng lao động với Công ty từ thời gian nào và thời gian bao lâu. Lỗi dẫn đến việc bị đơn ký kết hợp đồng với chị Ng (nhưng chị H và chị Tr mới là người thực tế làm việc tại Công ty TNHH L) là do chị Ng. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An là ông Dương Văn Tr có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. tuy nhiên tại bản tự khai ngày 04/12/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, ông Tr trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH L cho người lao động thì Công ty TNHH L có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho chị Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 12/4/1989, CMND số 186575065 với mã số BHXH 74091932207 từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN và mã số BHXH 9107186608 từ tháng 9/2007 đến tháng 09/2009 chưa nhận trợ cấp BHXH. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của chị Ng thì cơ quan Bảo hiểm xã hội không lưu trữ. Đối với các yêu cầu của chị Ng, Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An không có ý kiến.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tr có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai chị Tr trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Tr là em ruột của chị Nguyễn Thị Ng. Vào năm 2007, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, cần công việc để kiếm thu nhập nhưng thời điểm đó chị Tr chưa đủ 18 tuổi nên không xin được việc. Vì vậy, chị Tr có nhờ chị Ng cho mượn chứng minh nhân dân để xin việc tại Công ty TNHH L. Năm 2007 chị Tr xin tuyển dụng vào làm việc tại Công ty TNHH L, với vị trí là công nhân từ tháng 9/2007 đến tháng 9/2009 thì xin nghỉ việc. Công ty TNHH L có đóng bảo hiểm xã hội cho chị Tr từ tháng 9/2007 đến tháng 9/2009. Do thời gian nghỉ việc đã quá lâu, chị Tr không còn giữ hợp đồng lao động hay bảng lương nên không còn chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị Tr đã sử dụng chứng minh nhân dân của chị Ng để tham gia Hợp đồng lao động với Công ty TNHH L. Thời điểm, Công ty TNHH L ký hợp đồng lao động với chị Tr do chị Tr sử dụng hình của chị Tr dán vào chứng minh nhân dân của chị Ng nên Công ty TNHH L không biết chị Tr sử dụng giấy tờ của chị Ng để xin việc. Nay chị Ng khởi kiện yêu cầu Tuyên Hợp đồng lao động (từ tháng 9/2007 đến tháng 9/2009) giữa chị Nguyễn Thị Ng (do chị Tr mượn chứng minh nhân dân của chị Ng ký hợp đồng lao động) với Công ty TNHH L là vô hiệu thì chị Tr đồng ý. Sau khi chị Tr nghỉ việc thì quyền lợi và nghĩa vụ của chị Tr với Công ty TNHH L chấm dứt nên chị Tr không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai chị H trình bày:*

Chị Đặng Thị H là em họ của chị Nguyễn Thị Ng. Vào năm 2009, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, cần công việc để kiếm thu nhập nhưng thời điểm đó chị H chưa đủ 18 tuổi nên không xin được việc. Vì vậy, chị H có nhờ chị Ng cho mượn chứng minh nhân dân để xin việc tại Công ty TNHH L. Năm 2009 chị H xin tuyển dụng vào làm công nhân Công ty TNHH L, với vị trí là công nhân từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 thì xin nghỉ việc. Công ty TNHH L có đóng bảo hiểm xã hội cho chị H từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010. Do thời gian nghỉ việc đã quá lâu, chị H không còn giữ hợp đồng lao động hay bảng lương nên không còn chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị H đã sử dụng chứng minh nhân dân của chị Ng để tham gia Hợp đồng lao động với Công ty TNHH L. Thời điểm, Công ty TNHH L ký hợp đồng lao động với chị H do chị H sử dụng hình của chị H dán vào chứng minh nhân dân của chị Ng nên Công ty TNHH L không biết chị H sử dụng giấy tờ của chị Ng để xin việc. Nay chị Ng khởi kiện yêu cầu Tuyên Hợp đồng lao động (từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010) giữa chị Nguyễn Thị Ng (do chị H mượn chứng minh nhân dân của chị Ng ký hợp đồng lao động) với Công ty TNHH L là vô hiệu thì chị H đồng ý. Sau khi chị H nghỉ việc thì

quyền lợi và nghĩa vụ của chị H với Công ty TNHH L chấm dứt nên chị H không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử đến khi tiến hành phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự, đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định, không vi phạm pháp luật tố tụng dân sự. Phát biểu quan điểm về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng, đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trương Thị Thúy L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tr, chị Đặng Thị H và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An là ông Dương Văn Tr có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Nguyên đơn chị Ng khởi kiện Công ty TNHH L, địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 68 BLTTDS Tòa án xác định bị đơn là Công ty TNHH L. Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019.

[1.3] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH L với chị Nguyễn Thị Ng (do chị Nguyễn Thị Tr và chị Đặng Thị H mượn CNMD giao kết hợp đồng). Tuy nhiên, Công ty TNHH L thừa nhận có ký kết Hợp đồng lao động và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động Nguyễn Thị Ng nhưng thời gian đã lâu nên không còn lưu trữ. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH L và người lao động có thông tin Nguyễn Thị Ng. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Nguyễn Thị Nga như sau:

Mã số BHXH 74091932207 từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 và mã số BHXH 9107186608 từ tháng 9/2007 đến tháng 09/2009 tại Công ty TNHH L.

Mã số bảo hiểm xã hội 7409166456: từ tháng 4/2011 đến nay tại Công ty TNHH H.

[2.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Chị Nguyễn Thị Ng ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L và làm việc từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 (đối với chị Đặng Thị H) và từ tháng 9/2007 đến tháng 09/2009 (đối với chị Nguyễn Thị Tr) và được Công ty tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số 74091932207 và số 9107186608.

Bị đơn Công ty TNHH L xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Nguyễn Thị Ng và có tham gia BHXH, BHTN cho người lao động trong hai khoảng thời gian từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 và từ tháng 9/2007 đến tháng 9/2009 thì chị Ng nghỉ việc tại công ty. Hiện hồ sơ lao động của chị Ng công ty không còn lưu trữ. Việc chị H và chị Tr mượn hồ sơ của người khác để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L, thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tr và chị Đặng Thị H xác nhận: Do thiếu hiểu biết pháp luật và hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên chị Tr có mượn giấy tờ tùy thân của chị Ng để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L trong khoảng thời gian từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 (đối với chị Đặng Thị H) và từ tháng 9/2007 đến tháng 09/2009 (đối với chị Nguyễn Thị Tr) thì nghỉ việc tại công ty.

Việc chị Tr và chị H sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của chị Ng để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc chị Nguyễn Thị Ng yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Ng (do chị Nguyễn Thị Tr mượn tên) và chị Đặng Thị H với Công ty TNHH L là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và những người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Như vậy, Công ty TNHH L và Công ty TNHH H cùng tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động có tên Nguyễn Thị Ng từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 (đối với chị Đặng Thị H) và từ tháng 9/2007 đến tháng 09/2009 (đối với chị Nguyễn Thị Tr). Tuy nhiên, thực tế chị Ng chỉ làm việc tại Công ty TNHH H, không làm việc tại Công ty TNHH L. Do đó, hai hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH L với chị Nguyễn Thị Ng là vô hiệu như những phân tích ở trên.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Ng và Công ty TNHH L (thời gian làm việc từ 6/2009 đến tháng 02/2010) vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Ng và Công ty TNHH L (thời gian làm việc từ tháng 9/2007 đến tháng 9/2009) vô hiệu.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí chị Ng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007071 ngày 09/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thắm**